

Giá trị gia đình từ tiếp cận lý thuyết và một số vấn đề đặt ra với Việt Nam trong bối cảnh xã hội đang chuyển đổi

Trần Thị Minh Thi
Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới

Tóm tắt: Gia đình là một thiết chế xã hội quan trọng. Trong những thập niên vừa qua, ở nhiều quốc gia trên thế giới, thiết chế gia đình đã và đang có những biến đổi về cấu trúc - chức năng, trong đó cần kể đến sự thay đổi đáng kể về khía cạnh giá trị gia đình. Bài viết tập trung phân tích giá trị gia đình từ các cách tiếp cận lý thuyết, cũng như xem xét cách tiếp cận lý thuyết về giá trị gia đình ở Việt Nam trong bối cảnh xã hội đang chuyển đổi nhanh chóng. Kết quả nghiên cứu cho thấy giá trị gia đình có thể được nhìn nhận từ nhiều chiều cạnh như: truyền thống và hiện đại, tính cá nhân và tính tập thể, bình đẳng giới và chế độ gia trưởng... đặc biệt ở khía cạnh hôn nhân và mối quan hệ gia đình. Các giá trị gia đình cũng chịu tác động của nhiều nhân tố mang tính cấu trúc như các đặc điểm nhân khẩu xã hội của cá nhân và các đặc điểm cấu trúc của gia đình, đặt trong bối cảnh của những thay đổi về chính sách, văn hóa và hội nhập quốc tế⁽¹⁾.

Từ khóa: Gia đình; Giá trị gia đình; Tiếp cận lý thuyết; Gia đình Việt Nam.

1. Khái niệm

Gia đình là một thiết chế xã hội quan trọng, ảnh hưởng đến các quá trình chính trị, kinh tế, xã hội nói chung. Trong những thập niên vừa qua, gia đình ở nhiều quốc gia trên thế giới đã có những thay đổi như sự tham gia nhiều hơn của phụ nữ trong kinh tế, chính trị; giảm sinh, tăng tỷ lệ ly hôn và sống chung không kết hôn và đặc biệt là nhiều giá trị gia đình đang có những biến đổi nhanh chóng. Thiết chế xã hội này mang ý nghĩa đặc biệt quan trọng với các quốc gia châu Á. Với ảnh hưởng của Khổng giáo, thời kỳ chiến tranh, và vai trò lãnh đạo của nhà nước xã hội chủ nghĩa, gia đình Việt Nam mang cả những đặc điểm tương đồng với các quốc gia có nền tảng văn hóa tương đồng và cả những đặc trưng riêng có.

Giá trị là chủ đề trung tâm trong nghiên cứu xã hội học. Có nhiều định nghĩa khác nhau về khái niệm này, với mức độ trừu tượng cao, được tiếp cận từ nhiều chuyên ngành khác nhau, như triết học, đạo đức học, tâm lý học, kinh tế học, xã hội học, nhân học và nhiều lĩnh vực khác. Giá trị được sử dụng để mô tả đặc điểm xã hội và cá nhân, đo sự biến đổi xã hội theo thời gian và không gian, và giải thích những động lực của thái độ và hành vi cá nhân (Hechter, 1993; Inglehart & Baker, 2000; Inglehart, 1997; Schwartz, 2005, 2006, 2012).

Chẳng hạn, Rokeach (1973) cho rằng, giá trị *“là một niềm tin bền vững về một phương thức hành động hay thực tại được chấp nhận về mặt xã hội và cá nhân... có khả năng thống nhất những lợi ích đa dạng khác nhau của các khoa học có liên quan đến hành vi con người”*. Khi giá trị được định nghĩa là niềm tin, chúng được nhìn nhận như cấu trúc nhận thức, như lược đồ về những điều quan trọng hay đáng mong đợi trong cuộc sống. Như vậy, giá trị được cho là có thể giúp loại trừ những xung đột lợi ích cá nhân và tập thể vì nó đóng vai trò quan trọng cho phép cá nhân làm việc cùng nhau để nhận thức những mục tiêu chung đáng mong đợi. Giá trị được học hỏi thông qua quá trình nhận thức. Lý thuyết nhận thức cho rằng khi một giá trị được thể hiện trong quá trình giao tiếp của nền văn hóa nào đó, con người sẽ phản chiếu niềm tin của mình vào tâm lý thông qua quá trình học hỏi và làm theo. Nhiều giá trị quan trọng được trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác theo cách này (Homer, 1993; Rohan & Zanna, 1996).

Rokeach (1973) cũng đưa ra một định nghĩa khác về giá trị, ít được trích dẫn hơn nhưng có quan hệ chặt chẽ với quá trình hình thành giá trị của con người: *“Giá trị là sự đại diện và truyền tải nhận thức của những nhu cầu”* (Rokeach, 1973:20). Có nghĩa là, những gì quan trọng với con người trong cuộc sống phụ thuộc vào việc họ cần điều gì. Giá trị không đơn thuần là cấu trúc nhận thức mà còn bắt nguồn từ nhu cầu.

Rokeach (1979) nhấn mạnh giá trị di theo thứ bậc ưu tiên, và mỗi giá

trị có mối tương quan chặt chẽ với một hệ thống phức tạp các niềm tin và thái độ. Vì thế, hệ thống niềm tin có thể tương đối bền vững, nhưng sự biến đổi một giá trị có thể dẫn đến sự thay đổi của những giá trị khác và trong cả xã hội nói chung. Cá nhân thường có xu hướng duy trì một quan điểm nhất quán, phản ánh chuẩn mực đạo đức và quyền hạn của họ. Khi hành động hay niềm tin của họ mâu thuẫn với tự nhận thức này, cá nhân cảm thấy thất vọng và có thể thay đổi nhằm điều chỉnh hành vi hay niềm tin theo đúng nhận thức đã có. Nội dung, cấu trúc, và tổ chức hệ giá trị con người có sự ổn định tương đối về văn hóa giữa các quốc gia (Schwartz, 1992, 1996), có nghĩa là giá trị có thể thống nhất và mâu thuẫn theo các xã hội và nền văn hóa.

Một trong những tác giả có ảnh hưởng lớn đến các xu hướng nghiên cứu về giá trị trên thế giới gần đây là Schwartz. Theo Schwartz, việc phân biệt giá trị này với giá trị kia phụ thuộc vào mục tiêu và động lực mà nó thể hiện. Lý thuyết giá trị (Schwartz, 1992, 2006) đưa ra khái niệm giá trị với 6 đặc trưng chính được thể hiện như sau:

(1) Giá trị là niềm tin được kết nối chặt chẽ với mức độ ảnh hưởng. Khi giá trị được hình thành, chúng trở thành những cảm nhận, tình cảm. Những người cho độc lập là một giá trị quan trọng sẽ tức giận khi độc lập của họ bị đe dọa, ảnh hưởng khi họ không thể bảo vệ giá trị đó, và sẽ hạnh phúc khi có nó.

(2) Giá trị là những mục tiêu mong ước làm động lực cho hành động. Những người coi trật tự xã hội, công bằng, và có ích là những giá trị quan trọng thì sẽ có động lực để đạt những mục tiêu này.

(3) Giá trị vượt lên trên các hành vi cụ thể hay bối cảnh cụ thể. Sự vâng lời, lòng trung thực, ví dụ, có thể được mong đợi ở nơi làm việc, ở trường học, trong kinh doanh cũng như chính trị, với bạn bè cũng như người lạ. Đặc trưng này phân biệt giá trị với những tập quán và thái độ mà thường chỉ những hành động, mục tiêu hay hoàn cảnh cụ thể.

(4) Giá trị đóng vai trò chuẩn mực hay tiêu chuẩn. Giá trị hướng dẫn việc lựa chọn và đánh giá hành vi, chính sách, con người và sự kiện. Con người quyết định cái gì là tốt và cái gì là xấu, chính đáng và không chính đáng, đáng làm và nên từ bỏ, dựa trên những hệ quả có thể xảy ra của những giá trị. Những ảnh hưởng của giá trị trong các quyết định hàng ngày là khá rõ nét. Giá trị đưa vào nhận thức khi các hành động hay đánh giá được cho là có những tác động mâu thuẫn với những giá trị mà người đó yêu mến.

(5) Giá trị có trật tự theo mức độ quan trọng. Giá trị của con người hình thành nên một hệ thống trật tự các ưu tiên theo từng đặc điểm cá nhân. Trật

tự thứ bậc này của giá trị cũng góp phần phân biệt giá trị với phong tục hay thái độ.

(6) Tâm quan trọng tương đối của nhiều giá trị khác nhau định hướng hành động. Mỗi thái độ hay hành vi về cơ bản có ảnh hưởng đến nhiều hơn một giá trị. Ví dụ, đi lễ chùa có thể là sự thể hiện và thúc đẩy các giá trị truyền thống và sự tuân thủ, nhưng đôi lại họ có thể nhận được các giá trị về mặt tinh thần. Trong số những sự đánh đổi này, những giá trị mâu thuẫn sẽ định hướng thái độ và hành vi (Schwartz, 1992, 1996). Giá trị ảnh hưởng đến hành động khi chúng có mối liên quan trong bối cảnh và quan trọng với chủ thể hành vi (Schwartz, 2012).

2. Lý thuyết hiện đại hóa và biến đổi gia đình

Trong thập niên vừa qua, lý thuyết hiện đại hóa thu hút sự quan tâm của nhiều học giả. Trong đó, quan điểm của Inglehart coi hiện đại hóa là quá trình biến đổi xã hội gắn liền với công nghiệp hóa (Inglehart & Welzel, 2009) là có ảnh hưởng lớn nhất hiện nay. Quan điểm chính của lý thuyết này là việc phát triển kinh tế và công nghệ gắn liền với những biến đổi từ các giá trị và phong tục cũ sang một xu hướng hợp lý, khoan dung, tin cậy và có sự tham gia hơn, tạo nên sự thay đổi về chính trị - xã hội (Inglehart & Baker, 2000).

Một khái niệm trung tâm và quan trọng của lý thuyết hiện đại hóa là công nghiệp hóa tạo ra những hệ quả xã hội và văn hóa, ảnh hưởng đến mọi lĩnh vực xã hội. Ví dụ, công nghiệp hóa tạo ra những thành tựu văn hóa xã hội như tăng trình độ học vấn, thay đổi vai trò giới. Công nghiệp hóa được xem như một thành tố chính của quá trình hiện đại hóa, ảnh hưởng đến các thành tố của đời sống xã hội. Một cách ngắn gọn, các nhà nghiên cứu tin rằng phát triển kinh tế gắn liền sau nó những hệ quả văn hóa, chính trị được dự báo trước và mang tính hệ thống (Inglehart & Baker, 2000). Phát triển kinh tế đưa các xã hội vào một định hướng khá rõ ràng, theo đó, công nghiệp hóa dẫn đến chuyên môn hóa nghề nghiệp, tăng trình độ học vấn, thu nhập, và cuối cùng là mang lại những thay đổi xã hội, chẳng hạn như những thay đổi về vai trò, thái độ về quyền lực và tình dục, giảm mức sinh, sự tham gia chính trị rộng rãi, v.v. (Inglehart, 1997; 2008; Inglehart & Baker, 2000).

Những khía cạnh chính yếu nhất của quá trình hiện đại hóa bao gồm một số đặc trưng cơ bản như sự hình thành của những giá trị đặc trưng của hiện đại như chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa duy lý và chủ nghĩa thực dụng. Những thay đổi nhân khẩu học làm thay đổi tận gốc những lối sống từ thế hệ trước và sự tập trung của dân cư đô thị với sự phân công theo chức năng phức tạp, đa dạng văn hóa, và không đồng nhất. Việc tư nhân hóa của cuộc

sống gia đình, cách biệt nó khỏi những kiểm soát xã hội của cộng đồng, tách biệt môi trường làm việc và gia đình, và phụ nữ đã được tự do hơn khỏi chế độ gia trưởng. Nói cách khác, tính cá nhân đã thống trị trước tính cộng đồng và tập thể.

Sự chuyển đổi kinh tế, xã hội và chính trị vừa ảnh hưởng và chịu ảnh hưởng của môi trường văn hóa. Các giả định cơ bản của lý thuyết hiện đại hoá là có một xã hội truyền thống trải qua sự phát triển đến một giai đoạn mới của nhà nước phát triển, với nhiều chỉ báo của giá trị phương Tây và chủ nghĩa vật chất.

Lý thuyết hiện đại hóa tìm hiểu sự thay đổi về các đặc điểm của cá nhân với những thay đổi của gia đình và xã hội bên ngoài nhưng dường như không dự đoán được các đặc điểm của các gia đình đương đại (Barbieri & Belanger, 2009). Các gia đình hiện đại, với những đặc trưng là tính cá nhân cao, vị thế phụ nữ tăng lên, hôn nhân tự do tự nguyện, sự độc lập của thế hệ trẻ cao, quy mô gia đình nhỏ mức sinh thấp; và xã hội hiện đại, với những đặc điểm là công nghiệp hóa, đô thị hóa, trình độ học vấn cao, công nghệ cao (Thornton, 2001); không chỉ được lý giải đơn thuần bởi lý thuyết hiện đại hóa. Những thay đổi xã hội tạo nên biến đổi gia đình, và biến đổi gia đình tạo nên những biến đổi của xã hội.

Những thay đổi về hôn nhân, gia đình và ly hôn được cho là có quan hệ chặt chẽ với quá trình hiện đại hóa. Ví dụ, các nghiên cứu trước đây chỉ ra rằng, hiện đại hóa dường như có hai tác động trái ngược nhau đến ly hôn. Sự phát triển kinh tế, cùng với hiện đại hóa và đô thị hóa, trong một giai đoạn ban đầu có thể làm giảm ly hôn trước khi góp phần làm tăng ly hôn ở những giai đoạn hiện đại hóa sau. Những thay đổi xã hội đi cùng với hiện đại hóa làm giảm ly hôn bao gồm hôn nhân tự nguyện, tình yêu, tăng tuổi kết hôn, mở rộng cơ hội giáo dục (Goode 1963, 1971, 1993; Hirschman & Teerawichitchainan, 2003; John, 2003, 1997; Lee, 1982). Tuy nhiên các nhà lý thuyết chỉ rõ, xét về lâu dài, xu hướng phát triển đồng đều trong quá trình hiện đại hóa và sự suy giảm của chế độ gia trưởng sẽ mang tác động ngược lại. Goode (1963, 1993) khẳng định rằng hiện đại hóa là nguyên nhân sâu xa của tỷ lệ ly hôn tăng. Vị thế phụ nữ, trao quyền cho phụ nữ tăng lên tạo ra những môi trường văn hóa xã hội làm cho ly hôn trở nên dễ dàng và được chấp nhận hơn. Sự độc lập về kinh tế của phụ nữ, quy mô gia đình nhỏ hơn, những tư tưởng về sự chủ động trong cuộc sống có thể làm cho các mối quan hệ trở nên kém bền vững hơn. Công nghiệp hóa có thể làm giảm quy mô gia đình, vì thế, làm tăng khả năng ly hôn, vì nó giúp tăng vị trí độc lập xã hội của phụ nữ. Những cuộc hôn nhân hiện đại dựa trên tình yêu và cảm xúc có thể ít bền vững hơn những cuộc hôn nhân dựa trên mối quan hệ kinh tế xã hội. Những định kiến hay kỳ thị về ly hôn giảm dần và đến lượt nó làm tăng mức độ ly hôn

ở xã hội.

Ngoài những tác động của hiện đại hóa, các giá trị truyền thống và phong tục về hôn nhân và gia đình cũng góp phần quan trọng hình thành nên những khuôn mẫu chuẩn mực mới. Những yếu tố này có thể điều chỉnh những tác động của hiện đại hóa đến hôn nhân và gia đình ở nhiều xã hội. Việc bảo lưu những giá trị truyền thống trong quá trình hiện đại hóa là yếu tố quan trọng bảo vệ hệ thống gia đình khỏi những áp lực của hiện đại hóa (Cho & Yada, 1994).

Tuy nhiên, với trình độ giáo dục ngày càng tăng, các cơ hội việc làm nhiều hơn với phụ nữ, quan điểm về kết hôn muộn hay phụ nữ làm việc trở nên bao dung hơn, vai trò giới theo truyền thống trong hôn nhân dường như đã trở nên lỗi thời. Lý tưởng giới tác động đến quan hệ quyền lực vợ chồng trong hôn nhân trên nhiều phương diện khác nhau. Nhiều phụ nữ ngày nay thích sự độc lập về xã hội và kinh tế mà họ đạt được từ công bằng giới trong giáo dục và thị trường lao động.

3. Lý thuyết biến đổi văn hóa và duy trì giá trị truyền thống

Hiện đại hóa có mối quan hệ chặt chẽ với biến đổi văn hóa. Mối quan hệ này được giải thích trên nhiều tiếp cận khác nhau. Một trường phái nhấn mạnh sự hội tụ của các giá trị như là kết quả của hiện đại hóa, hay những nguồn lực kinh tế chính trị dẫn đến thay đổi văn hóa. Theo đó, trong quá trình hiện đại hóa, những giá trị truyền thống bị suy giảm và được thay bằng những giá trị hiện đại.

Những xã hội chịu ảnh hưởng mạnh của các giá trị truyền thống thường cho thấy mức độ chấp nhận thấp với một số hiện tượng như nạo hút thai, ly hôn, tình dục đồng giới, không chăm sóc cha mẹ, không quan tâm đến con cái. Vai trò truyền thống khuyến khích mọi người kết hôn. Các cặp vợ chồng có quan điểm truyền thống luôn mong muốn có con sớm sau khi kết hôn, v.v. Trong truyền thống, tính tập thể, tính cộng đồng là khá rõ nét. Mục tiêu chính của xã hội truyền thống là làm cha mẹ tự hào về bản thân - cá nhân phải luôn yêu thương, tôn trọng cha mẹ, bất kể họ cư xử như thế nào. Ngược lại, cha mẹ phải có trách nhiệm làm hết sức vì con cái dù có phải vất vả thế nào. Con người trong các xã hội truyền thống thích gia đình quy mô lớn (Inglehart & Baker, 2000; Tarkhnishvili & Tevzadze, 2013). Nhìn chung, có thể nói rằng, xã hội này có xu hướng ưa chuộng các hình thức quản trị mang tính quyền lực, thứ bậc và rất chú trọng và quan tâm tới đời sống tâm linh, tôn giáo (Tarkhnishvili & Tevzadze, 2013).

Trong xã hội hiện đại, sự biến đổi giá trị diễn ra ở nhiều lĩnh vực khác nhau. Ví dụ, vai trò của người cao tuổi đã giảm sút, ngay cả ở những quốc gia có nền tảng Nho giáo coi trọng đạo hiếu như Hàn Quốc (Inglehart, 1997).

Bên cạnh đó, có trường phái khác nhấn mạnh sự bền vững của các giá trị truyền thống dưới tác động của thay đổi kinh tế, chính trị. Trường phái này cho rằng các giá trị phụ thuộc một cách tương đối vào các điều kiện kinh tế (Inglehart, 1997; Haller, 2002; Tarkhnishvili & Tevzadze, 2013). Theo đó, khó có thể có sự thống trị hoàn toàn của hệ giá trị hiện đại, mà các giá trị truyền thống sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến biến đổi văn hóa dưới tác động của phát triển kinh tế. Những di sản văn hóa lớn của xã hội như Khổng giáo, Thiên chúa giáo, v.v. để lại những dấu ấn giá trị khá vững bền ngay cả trong hiện đại hóa. Mặc dù chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố nhưng Nho giáo chi phối khá rõ nét các mối quan hệ gia đình, cộng đồng và nhà nước, ví dụ như quan điểm coi trọng nam giới trong khi phụ nữ ở vị thế thấp kém. Hơn nữa, những khác biệt về giá trị của các cá nhân thuộc các nhóm nhỏ trong xã hội thường nhỏ hơn các khác biệt giá trị liên quốc gia. Một khi đã được hình thành, những khác biệt liên văn hóa trở thành nền văn hóa của dân tộc được nền giáo dục và truyền thông truyền tải (Inglehart & Baker, 2000).

Các nhà nghiên cứu nhấn mạnh, sự thay đổi văn hóa không diễn ra theo đường thẳng. Theo Inglehart và Baker (2000), khi quá trình công nghiệp hóa được gắn liền với tăng trưởng kinh tế bằng mọi giá, các xã hội sẽ dần quan tâm đến chất lượng cuộc sống, bảo vệ môi trường, và những giá trị tự thể hiện bản ngã. Nói cách khác, sẽ xuất hiện những hệ quả an sinh xã hội của phát triển kinh tế.

4. Lý thuyết về giá trị gia đình

Giá trị gia đình và các mối quan hệ gia đình là thiết chế quan trọng. Các quyết định kinh tế, vốn đầu tư con người, thị trường lao động, thị trường tín dụng, chẳng hạn như loại hình công việc, tiền lương và cơ hội nghề nghiệp, sở hữu nhà ở và tài sản tài chính - được diễn ra trong gia đình và phụ thuộc rất nhiều vào giá trị gia đình.

Mặc dù trong vài thập kỷ qua, ở nhiều xã hội đã chứng kiến nhiều thay đổi về quy mô, chức năng, các mối quan hệ trong gia đình, và các giá trị gia đình; thì gia đình vẫn là một thiết chế, là cốt lõi của hầu hết các hoạt động kinh tế và xã hội. Ở nhiều xã hội, nhất là những xã hội đang trong thời kỳ chuyển đổi từ truyền thống đến hiện đại, từ nông nghiệp sang công nghiệp, gia đình là một thiết chế được tin là chịu ảnh hưởng lớn từ thay đổi xã hội. Nói cách khác, gia đình đang thay đổi mạnh mẽ trên mọi phương diện.

Điểm đặc trưng trong sự biến đổi giá trị về các quan hệ gia đình chính là những thay đổi căn bản về vai trò giới trong phân công lao động trong gia đình. Xu hướng phụ nữ tham gia vào lực lượng lao động và nam giới

chia sẻ làm việc nhà đang tăng lên. Những thay đổi về cách ứng xử của nam giới và phụ nữ ở nhà và nơi làm việc đã có tác động đến đời sống gia đình nói chung và hệ giá trị quan hệ vợ chồng nói riêng. Khi độc lập về kinh tế, người phụ nữ có nhiều lựa chọn cho cuộc sống cá nhân mình hơn: kết hôn, kết hôn và làm mẹ, sống một mình, làm mẹ đơn thân, hoặc theo đuổi sự nghiệp cá nhân. Mỗi quan hệ vợ chồng cũng thay đổi khi người phụ nữ phải cố gắng để cân bằng giữa đời sống gia đình và công việc. Điều này có nghĩa là họ phải đối mặt với những vai trò mới trong hôn nhân, hoàn toàn khác xa với mô hình hôn nhân truyền thống. Điều đó đòi hỏi những người phụ nữ này có những chiến lược phù hợp để giải quyết xung đột trong hôn nhân nhằm duy trì chất lượng và sự bền vững của cuộc hôn nhân (Rhoden, 2003).

Chẳng hạn, một khảo sát ở Australia năm 1989 cho thấy đã có sự thay đổi về quan niệm đối với việc đi làm bên ngoài của phụ nữ. Theo quan điểm trước đây thì gia đình và các con nhỏ sẽ chịu những thiệt thòi nếu người mẹ đi làm kiếm tiền bên ngoài. Tuy nhiên, kết quả điều tra chỉ ra rằng, mặc dù vẫn còn một bộ phận đáng kể người Australia cho rằng khó mà nuôi con nhỏ tốt nếu cả cha và mẹ đều đi làm cả ngày, nhưng phần lớn người trả lời khẳng định mối liên hệ tình cảm, tình yêu thương với con cái sẽ không bị ảnh hưởng nếu người mẹ đi làm (Vandenhoevel, 1991).

Những thay đổi về niềm tin đối với cách ứng xử của nam giới và phụ nữ ở nhà và nơi làm việc đã có tác động đến đời sống gia đình. Hôn nhân là một thiết chế truyền thống nên người ta cho rằng thái độ đối với vai trò giới sẽ ảnh hưởng đến khả năng kết hôn. Becker (1991) cho rằng vai trò truyền thống khuyến khích mọi người kết hôn. Phụ nữ và nam giới theo quan điểm truyền thống cũng muốn có con. Các cặp vợ chồng theo quan điểm truyền thống luôn có kế hoạch để sinh con sớm sau khi kết hôn. Ngược lại, những người có quan điểm giới cởi mở hơn thường ít có áp lực sinh con hơn so với những người có quan điểm truyền thống (Kaufman, 2000).

Các lý thuyết về giới đề cập đến quan hệ xã hội của nữ giới và nam giới trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Mối quan hệ đó thể hiện ở vai trò với những chức năng và nhiệm vụ nhất định của nam và nữ trong đời sống gia đình và xã hội. Sự phân công vai trò xuất phát từ sự thuận lợi về mặt sinh học và sự phân công của xã hội. Ngoài ra phân công lao động theo giới còn gắn liền với các giá trị và chuẩn mực xã hội, đặc trưng về văn hóa và thích nghi với những thay đổi của điều kiện gia đình. Vì vậy, việc đảm bảo cho hai giới có những cơ hội và điều kiện thực hiện các chức năng của mình chính là cơ sở của công bằng xã hội và hiệu quả xã hội.

5. Hiện đại “rút ngắn” ở Việt Nam

Xã hội Việt Nam truyền thống thường chỉ về giai đoạn phong kiến thuộc địa trước năm 1945 và xã hội Việt Nam hiện đại thường chỉ về quá trình quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Đây là một nền hiện đại “rút ngắn”, vì không chỉ mang đặc điểm là đã bỏ qua một giai đoạn phát triển trong lịch sử, là chủ nghĩa tư bản, mà còn chỉ những đặc điểm cơ bản của hiện đại hóa và công nghiệp hóa ở Việt Nam, đó là chiến lược “đi tắt, đón đầu” rút ngắn thời gian, một quá trình chuyển đổi nhanh từ nền kinh tế nông nghiệp sang nền kinh tế công nghiệp và tận dụng lợi thế của “người đi sau” để phát triển nền kinh tế xã hội. Trong một thời gian khá dài, tốc độ hiện đại hóa và công nghiệp hóa của Việt Nam bị chậm lại do chiến tranh và khủng hoảng kinh tế xã hội đầu những năm 1980, và quá trình này đã được đẩy nhanh và mạnh hơn từ sau đổi mới năm 1986. Cụm từ công nghiệp hóa và hiện đại hóa trở thành một khái niệm phổ biến và quen thuộc trong các chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội cũng như trên các phương tiện truyền thông đại chúng (Trần Thị Minh Thi, 2014).

Nhà nước đóng vai trò quan trọng trong hình thành và điều chỉnh những khuôn mẫu hôn nhân và gia đình bằng việc ban hành những văn bản pháp luật và những chính sách phát triển kinh tế xã hội. Luật pháp, quy định, các phong trào xã hội, các chiến dịch tuyên truyền về hôn nhân đã trực tiếp tác động đến hành vi hôn nhân của cá nhân, trong khi các chính sách kinh tế xã hội có những tác động gián tiếp. Các yếu tố hiện đại hóa ảnh hưởng đến khuôn mẫu hôn nhân và ly hôn chủ yếu thông qua sự phát triển kinh tế, phát triển hệ thống giáo dục và việc làm, giao lưu văn hóa dưới tác động của toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế (Trần Thị Minh Thi, 2014).

Quá trình hiện đại hóa ở Việt Nam đang chứng kiến sự duy trì của những giá trị truyền thống và sự xuất hiện của những giá trị hiện đại mới (Trịnh Duy Luân và cộng sự, 2011). Từ cuộc khủng hoảng kinh tế xã hội đầu năm 1980 đến Đổi mới sang nền kinh tế thị trường và chính sách mở cửa những năm cuối 1980, những chính sách của nhà nước về gia đình đã thích nghi với những quá trình tồn tại và thỏa hiệp. Trong bối cảnh đó, gia đình đã trải qua những chuyển biến quan trọng làm thay đổi các mối quan hệ và hành vi của gia đình, trong đó, gia đình vừa thay đổi, vừa bảo lưu các giá trị cũ. Trong lĩnh vực hôn nhân, gia đình, dòng họ, quá trình hiện đại hóa bao gồm cả việc duy trì những giá trị truyền thống và sự xuất hiện của những giá trị mới. Nói cách khác, gia đình, như một đơn vị xã hội cơ bản của xã hội Việt Nam, đang trong giai đoạn chuyển đổi, có nghĩa là gia đình phải điều chỉnh, thích nghi, tương thích, và làm quen với những bối cảnh và đặc điểm mới của cuộc sống (Barbieri & Belanger, 2009). Chẳng hạn, gia đình hạt nhân đang tăng lên trong khi gia đình mở rộng cũng không mất đi hoàn toàn.

6. Tiếp cận lý thuyết về giá trị gia đình ở Việt Nam

Các nghiên cứu về giá trị gia đình Việt Nam đã được đề cập tương đối sớm và nằm rải rác trong các nghiên cứu, khảo sát về hôn nhân, gia đình Việt Nam theo từng thời kỳ khác nhau. Hôn nhân và gia đình Việt Nam đang trải qua sự chuyển đổi quan trọng, từ mô hình truyền thống đến những đặc điểm hiện đại và cởi mở hơn.

Gia đình Việt Nam thường được chia làm hai dạng cơ bản: gia đình truyền thống và gia đình hiện đại. Gia đình truyền thống là một cụm từ khá quen thuộc, chỉ những kiểu gia đình trong thời kỳ phong kiến, khoảng trước 1950. Hôn nhân gia đình hiện đại bắt đầu xuất hiện từ năm 1959, với sự ra đời của bộ luật đầu tiên về hôn nhân gia đình, với những đặc trưng như bình đẳng giới và hôn nhân tự nguyện.

Ở Việt Nam, hiện đại hóa là một quá trình biến đổi xã hội từ xã hội truyền thống sang xã hội hiện đại, để đạt được những tăng trưởng và phát triển kinh tế, để cải cách thể chế và cấu trúc xã hội hướng tới một nền kinh tế xã hội phát triển, đã làm tăng tự do cá nhân. Hiểu khái niệm về tính tập thể, tính cộng đồng (collectivism) và tính cá nhân (individualism) trong tương quan với gia đình và hiện đại hóa là hết sức cần thiết trong việc lý giải những hành vi hôn nhân, gia đình và ly hôn ở Việt Nam. Gia đình là một đơn vị cơ bản của xã hội Việt Nam và là trung tâm của các mối quan hệ giữa các cá nhân với cộng đồng và nhà nước. Văn hóa tập thể của Việt Nam có nguồn gốc từ hệ tư tưởng Nho giáo, vốn coi trọng gia đình và cộng đồng. Khái niệm tập thể trong hầu hết các khía cạnh đời sống được đẩy lên cao hơn trong nhiều thế hệ do nhu cầu cần có sức mạnh và ý chí tập thể trong cuộc kháng chiến gian khổ giành độc lập và tự do dân tộc trong nhiều thập kỷ. Theo Đỗ Long và Phan Thị Mai Hương (2002), mặc dù có những tương tác văn hóa với những dân tộc khác, tính tập thể vẫn trội hơn tính cá nhân ở người Việt Nam so với nhiều dân tộc khác, tính tập thể của phụ nữ cao hơn nam giới, cho dù hệ thống giá trị và hành vi của người Việt khác nhau trong từng hoàn cảnh và trong từng nền văn hóa của mỗi dân tộc.

Tính cá nhân là một chiều cạnh so sánh văn hóa với chủ nghĩa gia đình. Nền tảng cơ bản của tính cá nhân nằm ở chỗ quyền tự do mưu cầu hạnh phúc của mỗi cá nhân. Mưu cầu này cần có sự tự do, chủ động, và tự chịu trách nhiệm. Về mặt chính trị, tính cá nhân thực sự là nhận ra mỗi người có quyền có cuộc sống và hạnh phúc riêng. Nhưng điều đó cũng có nghĩa kết hợp với những cá nhân khác để đấu tranh và bảo vệ các thể chế cho phép quyền đó. Tính cá nhân đánh giá cao sự độc lập, riêng tư và tôn trọng người khác. Tính cá nhân coi mỗi người như một cá thể độc lập, một thực thể tối cao chiếm hữu quyền không thể chuyển nhượng với chính cuộc sống của mình, quyền được sống một cách hợp lý theo lẽ tự nhiên. Trong một

nền văn hóa đề cao tính cá nhân, gia đình trở nên mờ hơn vì không còn giữ vị trí trung tâm và nhiều chức năng của gia đình đã bị mất đi. Gia đình hiện đại, cũng từ bỏ nhiều chức năng vốn được hình thành trước đây (Trần Thị Minh Thi, 2014, 2015).

Thể chế và nhà nước thiết lập lại những khuôn mẫu gia đình để phù hợp với những bối cảnh chính trị và kinh tế. Với Việt Nam, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cho thấy những biện pháp khác nhau mà nhà nước thực hiện để tái cấu trúc các hình thức gia đình, quan hệ gia đình và chức năng gia đình trong quá trình thay đổi và phát triển xã hội.

Những đổi thay trong giá trị và chuẩn mực đã tác động mạnh mẽ đến thái độ và cách ứng xử của mỗi cá nhân trong xã hội ngày nay. Ví dụ, theo truyền thống văn hóa Việt Nam, ly hôn không được khuyến khích, thậm chí bị hạn chế. Hiện nay, ly hôn đang tăng lên nhanh chóng sau Đổi mới từ cuối những năm 1980 với những nguyên do và hậu quả khác nhau. Việc tồn tại cùng lúc các mức độ khác nhau của các giá trị truyền thống và hiện đại trong bối cảnh cái mới chưa hoàn thiện và cái cũ chưa mất hoàn toàn là khuôn mẫu chung của nhiều khía cạnh hôn nhân và gia đình Việt Nam (Trần Thị Minh Thi, 2014).

Giá trị gia đình có thể được nhìn nhận từ chiều cạnh truyền thống và hiện đại, tính cá nhân và tính tập thể, bình đẳng giới và chế độ gia trưởng, v.v. trên một số khía cạnh như ý nghĩa của hôn nhân và gia đình; giá trị kinh tế (việc làm, sự giàu có, tài sản, v.v.); giá trị con cái (số con, giới tính của con, ý nghĩa của việc có con, đạo hiếu, v.v.); giá trị hạnh phúc (tình yêu, trình tiết, sự chung thủy; sự quan tâm, tôn trọng, trách nhiệm và cam kết); giá trị của các mối quan hệ vợ chồng, người cao tuổi và con cháu, và tác động của các nhân tố mang tính cấu trúc như tuổi, giới tính, địa bàn cư trú, học vấn, nghề nghiệp, tôn giáo, dân tộc, mức sống, và các đặc điểm cấu trúc của gia đình, đặt trong bối cảnh của những thay đổi về chính sách, văn hóa và hội nhập quốc tế. ■

Chú thích

⁽¹⁾ Bài viết được thực hiện trong khuôn khổ đề tài cấp Bộ Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam: “*Những giá trị cơ bản của gia đình Việt Nam hiện nay*” (Mã số: KHXH-GĐ/16-19/10) do TS. Trần Thị Minh Thi làm chủ nhiệm. Đề tài thuộc Chương trình Nghiên cứu, đánh giá tổng thể về gia đình thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Tài liệu trích dẫn

- Barbieri, Magali & Belanger Daniele. 2009. *Reconfiguring Families in Contemporary Vietnam. Contemporary Issues in Asia and the Pacific*. Stanford University Press.
- Becker, G. S. 1991. *A treatise on the family* (enlarged ed.). Cambridge, MA: Harvard University Press.

- Cho, Lee-Jay & Yada, Moto. 1994. *Tradition and change in the Asian family. Honolulu: East West Center. University of Hawaii Press.*
- Đỗ Long, Phan Thị Mai Hương. 2002. *Collectivism, Individualism and "the self" of the Vietnamese Today.* Chính Trị Quốc Gia Publisher. Hanoi. 316 pages.
- Goode, William J. 1971. "Family disorganization". In Robert K. Merton and Robert Nisbet eds., *Contemporary Social Problems*, 3rd ed.. New York: Harcourt Brace Jovanovich. Pp. 467-544.
- Goode, W.J. 1970. *World Revolution and Family Patterns.* New York: Free Press. Pp. 92-98.
- Goode, W.J. 1993. *World Changes in Divorce Patterns.* New Haven: Yale University Press.
- Goode, William J. 1963. *World Revolution and Family Patterns.* New York: Free Press.
- Haller, Max. 2002. "Theory and Method in the Comparative Study of Values: Critique and Alternative to Inglehart". *European Sociological Review*, Vol. 18, No.2.
- Hechter, M. 1993. "Values research in the social and behavioral sciences". In M. Hechter, L. Nadel, & R. E. Michod (Eds.), *The origin of values* (pp. 1-28). New York: Aldine de Gruyter.
- Hirschman, C. & Teerawichitchainan, Bussarawan. 2003. "Cultural and Socioeconomic Influences on Divorce during Modernization: Southeast Asia: 1940s to 1960s". *Population and Development Review*, Vol. 29, No. 2, pp. 215-253.
- Homer, Pamela M. 1993. "Genetic Transmission of human values: A cross-cultural investigation of generalization and reciprocal influence effects". *Social, and General Psychology Monographs*, Vol. 119(3), Aug 1993, 343-367.
- Inglehart, Welzel. 2009. *Development and Democracy: What We Know about Modernization Today.* Foreign Affairs, March, 2009.
- Inglehart, R. 1997. *Modernization and Postmodernization: Cultural, Economic and Political Change in Societies.* Princeton, NJ: Princeton University Press.
- Inglehart, Ronald F. 2000. "Globalization and Postmodern Values". *The Washington Quarterly*, Vol. 23, No.1.
- Inglehart, Ronald F. 2008. "Changing Values among Western Publics from 1970-2006". *Western European Politics*, Vol. 31, Nos 1-2, pp.130-146, Routledge.
- Inglehart, Ronald F., & Baker, Wayne E. 2000. "Modernization, Cultural Change, and the Persistence of Traditional Values". *American Sociological Review*, Vol 65, Feb 2000.
- Jones, G. W. 2003. "The 'Flight from Marriage'". In *South-East and East Asia Singapore: Asian MetaCentre for Population and Sustainable Development Analysis.*
- Jones, Gavin W. 1997. "Modernization and Divorce: Contrasting Trends in Islamic Southeast Asia and the West". *Population and Development Review*, Vol. 23, No. 1, pp. 95-114.
- Kaufman, G. 2000. "Do Gender Role Attitudes Matter?: Family Formation and Dissolution Among Traditional and Egalitarian Men and Women". *Journal of Family Issues*, Vol 21, pp.128-144.

- Lee, Gary. 1982. *Family Structure and Interaction: A Comparative Analysis*. 2nd ed. Minneapolis: University of Minnesota Press.
- Rhoden, J. L. 2003. "Marital Cohesion, Flexibility, and Communication in the Marriages of Nontraditional and Traditional Women". *The Family Journal: Conselling and Therapy for Couples and Families*, Vol. 11, pp.248-256.
- Rohan, M. J., & Zanna, M. P. 1996. "Value transmission in families". In C. Seligman, J. M. Olson, & M. P. Zanna (Eds.), *The Ontario symposium: The psychology of values* (Vol. 8, pp. 253-276). Mahwah, NJ: Lawrence Erlbaum Associates, Inc.
- Rokeach, Milton. 1973. *The Nature of Human Values*. New York: Free Press.
- Rokeach, Milton 1979. *Understanding Human Values: Individual and Societal*. New York: Free Press.
- Schwartz, S. H. 1992. "Universals in the content and structure of values: Theory and empirical tests in 20 countries". In M. Zanna (Ed.), *Advances in experimental social psychology* (Vol. 25, pp. 1-65). New York: Academic Press.
- Schwartz, S. H. 2005. "Basic human values: Their content and structure across countries". In A. Tamayo & J. B. Porto (Eds.), *Valores e comportamento nas organizações [Values and behavior in organizations]* pp. 21-55. Petrópolis, Brazil: Vozes.
- Schwartz, S. H. 2006. "Value orientations: Measurement, antecedents and consequences across nations". In Jowell, R., Roberts, C., Fitzgerald, R. & Eva, G. (Eds.) *Measuring attitudes cross-nationally - lessons from the European Social Survey* (pp.169-203). London, UK: Sage.
- Schwartz, S.H. 1996. "Value priorities and behavior: Applying a theory of integrated value systems". In C. Seligman, J. M. Olson, & M. P. Zanna (Eds.), *The psychology of values: The Ontario symposium* (Vol. 8, pp. 1-24). Hillsdale, NJ: Lawrence Erlbaum.
- Schwartz, Shalom H. 2012. "An Over view of the Schwartz Theory of Basic Values". *Online Readings in Psychology and Culture*.
- Tarkhnishvili, Levan and Tevzadze, Gigi. 2013. *Theoretical Aspects of World Value Survey: Main Principles, Challenges and Critics*. Asian Social Science; Vol. 9, No. 11.
- Thornton, Arland. 2001. *The Development Paradigm: Reading History Sideways, and Family Change*. *Demography* 38:449-465.
- Trần Thị Minh Thi. 2014. "Một số tiếp cận lý thuyết về giá trị hiện nay". *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, Số 4.
- Trần Thị Minh Thi. 2015. "Divorce prevalence under the forces of individualism and collectivism in 'shortcut' modernity in Vietnam". In Atsufumi, Kato (ed). *Weaving Women's Spheres in Vietnam: The Agency of Women in Family, Religion and Community*. Brill Publishers Asian Studies. The Netherlands.
- Trịnh Duy Luân, Helle Rydstroom, and Wil Burhoorn (editors). 2011. *Rural Families in Doimoi period, English and Vietnamese Edition*. Publishing House of Social Sciences. 2011.
- Vandenhoevel, A. 1991. "The Most Important Person in the World: A Look at Contemporary Family Values". *Family Matters*, pp.7-13.